

Số:3782 /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày 14 tháng 9 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp tại phường Hải Bình và phường Hải Thanh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa
(Trữ lượng tính đến ngày 15 tháng 6 năm 2020)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016; Thông tư số 51/2017/TT-BTNMT ngày 30/11/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 Quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 60/2017/TT-BTNMT ngày 08/12/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn; Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và các mỏ đất san lấp;

Căn cứ Quyết định số 5368/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Thanh Hóa đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Giấy phép số 70/GP-UBND ngày 04/5/2020 của UBND tỉnh cho phép Công ty cổ phần Xây dựng MBM Group được thăm dò khoáng sản cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp tại phường Hải Bình và phường Hải Thanh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Xét Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày 27/7/2020 (kèm theo hồ sơ) của Công ty cổ phần Xây dựng MBM Group;

Căn cứ kết luận của Hội đồng thẩm định Báo cáo kết quả thăm dò tại phiên họp ngày 07/8/2020 và hồ sơ chỉnh sửa của đơn vị;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hóa tại Tờ trình số 863/TTr-STNMT ngày 09/9/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp tại phường Hải Bình và phường Hải Thanh, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung chính sau:

1. Vị trí, diện tích:

Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng là 6,68 ha (diện tích thuộc phường Hải Bình là 4,3876 ha; diện tích thuộc phường Hải Thanh là 2,2924 ha) được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 9 (có tọa độ được xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối và tính trữ lượng).

2. Phê duyệt trữ lượng khoáng sản cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp đã tính trong báo cáo;

- Trữ lượng địa chất cấp 122: 167.603 m³.
- Trữ lượng huy động vào thiết kế khai thác: 167.603 m³.

3. Các khoáng sản đi kèm: Không

4. Mức sâu và các khối trữ lượng phê duyệt: Như Phụ lục số 02 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản cát nhiễm mặn làm vật liệu san lấp của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo của Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành.

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/cáo);
- Văn phòng một cửa (Bộ TN&MT);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Công ty CP Xây dựng MBM Group;
- TT Thông tin lưu trữ địa chất;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền

**TỌA ĐỘ KHU VỰC THĂM DÒ, PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN CÁT NHIỄM MẶN LÀM VẬT LIỆU SAN LẤP
TẠI PHƯỜNG HẢI BÌNH VÀ PHƯỜNG HẢI THANH,
THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

*(Phụ lục kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

Diện tích	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục 105^0 , múi chiếu 3^0)	
		X (m)	Y (m)
S = 6,68 ha	1	2147 361.59	582 222.39
	2	2147 041.39	582 216.39
	3	2146 947.56	582 266.61
	4	2146 912.60	582 220.01
	5	2146 649.46	582 410.18
	6	2146 624.82	582 418.19
	7	2146 597.06	582 357.60
	8	2146 970.87	582 149.86
	9	2147 384.08	582 077.77

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HOÁ**

Phụ lục số 02

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN CÁT NHIỄM MẶN LÀM VẬT LIỆU
SAN LẤP TẠI PHƯỜNG HẢI BÌNH VÀ PHƯỜNG HẢI THANH,
THỊ XÃ NGHI SƠN, TỈNH THANH HÓA**

*(Phụ lục kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-UBND
ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)*

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất các khối trữ lượng (m)	Trữ lượng(m³)	Ghi chú
1	KI-122	-6,2	85.785	
2	KII-122	-7,0	37.434	
3	KIII-122	-8,1	29.134	
Trữ lượng địa chất			152.353	
Trữ lượng bồi lắng			15.250	
Tổng trữ lượng địa chất cấp 122			167.603	